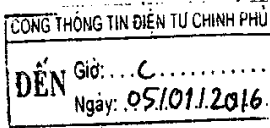


CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 137/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015



NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều về việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; sao lưu, phục hồi dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước công dân; cấu trúc số định danh cá nhân, trình tự, thủ tục cấp số định danh cá nhân và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân gồm xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hủy số định danh cá nhân, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi, tạm giữ thẻ Căn cước công dân và trách nhiệm trong việc triển khai thi hành Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với công dân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước công dân.

Chương II

XÂY DỰNG, THU THẬP, CẬP NHẬT, CHỈNH SỬA, KẾT NỐI, CHIA SẺ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ

Điều 3. Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là một hệ cơ sở dữ liệu duy nhất được xây dựng tại Trung tâm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an được kết nối thống nhất, đồng bộ đến Công an tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh), Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết gọn là Công an cấp huyện) và Công an xã, phường, thị trấn.

2. Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bao gồm các hoạt động:

- a) Bố trí mặt bằng, xây dựng các công trình, lắp đặt máy móc, thiết bị;
- b) Trang bị các trang thiết bị cần thiết;
- c) Thiết lập mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính của cơ sở dữ liệu;
- d) Tổ chức cơ sở dữ liệu;
- đ) Thu thập, chuẩn hóa, nhập dữ liệu;
- e) Lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin trong cơ sở dữ liệu;
- g) Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, tổ chức bộ máy cán bộ quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu;
- h) Vận hành thử, hiệu chỉnh cơ sở dữ liệu;
- i) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguồn thông tin, yêu cầu, thứ tự thu thập, cập nhật thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Thông tin về công dân được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ các nguồn sau:

- a) Sổ sách quản lý về cư trú, tàng thư hồ sơ hộ khẩu, tàng thư căn cước công dân;
- b) Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu hộ tịch;
- c) Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác;
- d) Thu thập từ công dân.

2. Việc thu thập, cập nhật thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Các thông tin về công dân chỉ được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi được kiểm tra thông tin đó là chính xác;
- b) Trường hợp thông tin về công dân được thu thập, cập nhật từ nhiều nguồn khác nhau mà không thống nhất về nội dung thông tin thì khi thu thập, cập nhật thông tin về công dân, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5

Nghị định này có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của các thông tin đó trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin.

3. Thông tin về công dân được cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thu thập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu như sau:

a) Thông tin về công dân được thu thập, cập nhật từ sổ sách quản lý về cư trú, tàng thư hồ sơ hộ khẩu, tàng thư căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân;

b) Trường hợp sổ sách quản lý về cư trú, tàng thư và các cơ sở dữ liệu quy định tại Điểm a Khoản này chưa có hoặc chưa đầy đủ thì thu thập, cập nhật từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch;

c) Trường hợp không thu thập, cập nhật được thông tin về công dân theo quy định tại Điểm a, b Khoản này thì thu thập, cập nhật từ công dân hoặc từ các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Điều 5. Trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin về công dân

1. Cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm cập nhật ngay thông tin hộ tịch của công dân cho cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi có phát sinh dữ liệu hộ tịch.

2. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức thu thập, cập nhật thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

3. Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xử lý, chuẩn hóa dữ liệu sẵn có về dân cư tại địa phương để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thu thập, cập nhật thông tin về công dân cư trú tại địa phương từ tàng thư căn cước công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Công an cấp huyện có trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin về công dân cư trú tại địa phương từ sổ sách quản lý về cư trú, tàng thư hồ sơ hộ khẩu, hộ tịch và từ công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

5. Công an xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thu thập dữ liệu về công dân cư trú trên địa bàn quản lý từ sổ sách quản lý về cư trú, hộ tịch và từ công dân, chuyển cho Công an cấp huyện.

6. Công dân, cơ quan, tổ chức khác có trách nhiệm, nghĩa vụ về thu thập, cập nhật, cung cấp thông tin về công dân theo quy định tại Khoản 2 Điều 5, Khoản 1 Điều 13 của Luật Căn cước công dân.

Điều 6. Chỉnh sửa thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Chỉnh sửa thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là việc điều chỉnh thông tin của công dân khi có sự thay đổi hoặc có sự sai sót trong quá trình thu thập, cập nhật, quản lý thông tin về công dân trong cơ sở dữ liệu.

2. Việc chỉnh sửa thông tin về công dân phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Chỉ chỉnh sửa thông tin về công dân khi phát hiện có sự thay đổi hoặc có sai sót trong quá trình thu thập, cập nhật, quản lý thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Phải có văn bản của người có thẩm quyền về việc thay đổi thông tin về công dân có liên quan đến thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

c) Chỉ người có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này mới được cho phép chỉnh sửa thông tin về công dân.

3. Thủ trưởng cơ quan quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi chỉnh sửa thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, quyết định việc chỉnh sửa thông tin về công dân trong cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về việc chỉnh sửa đó.

Điều 7. Kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính để thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin về công dân.

2. Các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nếu đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Có cơ sở hạ tầng thông tin để kết nối;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn kết nối theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

3. Thủ tục kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư như sau:

a) Cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có văn bản đề nghị được kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gửi cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an, trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phạm vi, mục đích, nội dung thông tin, số lượng trường thông tin cần chia sẻ;

b) Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an căn cứ vào điều kiện kết nối quy định tại Khoản 2 Điều này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành quyết định việc kết nối giữa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu kết nối, chia sẻ thông tin, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an quyết định việc kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nếu không đồng ý kết nối, chia sẻ thông tin thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chỉ được từ chối hoặc ngừng cho cơ quan, tổ chức kết nối, chia sẻ thông tin khi cơ quan, tổ chức đó thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Văn bản đề nghị kết nối, chia sẻ thông tin không xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc khai thác, sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu;

b) Văn bản đề nghị kết nối, chia sẻ thông tin không xác định rõ phạm vi, mục đích khai thác, sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu;

c) Làm lộ bí mật thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

d) Truy nhập trái phép, làm thay đổi, xóa, hủy, phát tán thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia khác và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 8. Hình thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thông qua các hình thức sau:

a) Kết nối mạng viễn thông, mạng máy tính với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Qua cổng thông tin điện tử do cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quy định;